

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 26 -4-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Đơn

2. Bà Nguyễn Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 595/67/25 đường P, tổ 101, khu 7, phường H, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Hà Hồng H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 595/67/25 đường P, tổ 101, khu 7, phường H, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc H trình bày: Bà Đoàn Thị Ngọc H và ông Hà Hồng H là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016. Từ năm 2017 đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, bà H xác định không còn tình cảm với ông H. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn,

hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 25/01/2010, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Hồng H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại nơi cư trú, địa phương và tại trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H đều vắng mặt.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà H và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông H và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Bị đơn ông Hà Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 18/3/2021 nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về nội dung:* Bà H và ông H là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, vào ngày 14/10/2009 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài, nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông H là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 25/01/2010, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu Hà Gia B hiện còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, đồng thời cháu B hiện cũng đang sống cùng bà H. Ông Hà Hồng H không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên việc giao con chung cho ông H là không thể thực hiện được, bà H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Hà Gia B cho mẹ là bà Đoàn Thị Ngọc H chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Đoàn Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc H về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Hà Hồng H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hà Hồng H.

Về con chung: Bà Đoàn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Gia B, sinh ngày 25/01/2010.

Không ai được quyền cản trở ông Hà Hồng H trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình: Bà Đoàn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0050835 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong